

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 28

43. GIẢI THÍCH SÁU THẦN THÔNG

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn trú ở sáu thần thông, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Như đã nói trong phẩm Tán thán Bồ-tát, các Bồ-tát đều được năm thần thông, nay vì sao nói muốn trú ở sáu thần thông?

Đáp: Năm thông là sở đắc của Bồ-tát, nay muốn trú sáu thần thông là sở đắc của Phật. Nếu Bồ-tát được sáu thần thông thật, thì có thể đưa đến nạn vấn như thế.

Hỏi: Trong phẩm Vãng sanh nói: Bồ-tát trú ở sáu thần thông, đi đến các nước Phật, sao nay nói Bồ-tát đều được năm thông?

Đáp: Lậu tận thông thứ sáu có hai thứ: 1. Lậu và tập khí đều hết. 2. Lậu hết mà tập khí chẳng hết. Tập khí không hết nên nói đều được năm thông, lậu hết nên nói trú ở sáu thần thông.

Hỏi: Nếu Bồ-tát đã hết lậu, tại sao còn sanh tại sao thọ sanh? Hết thấy sự thọ sanh đều do ái tương tục nên có, ví như gạo tuy có được ruộng tốt, gieo đúng thời, tưới tắm, cũng không thể mọc được. Các bậc thánh nhân đã thoát khỏi lớp vỏ ái, tuy có nhân duyên của nghiệp hữu lậu sanh, cũng không thể sanh được?

Đáp: Trước đã nói, Bồ-tát vào pháp vị, trú ở địa vị bất thối chuyển, hết nhục thân cuối cùng, được pháp tánh sanh thân; tuy đã dứt các phiền não, mà còn nhân duyên của tập khí phiền não, nên thọ pháp tánh sanh thân, chứ chẳng phải sanh ở ba cõi.

Hỏi: A-la-hán phiền não đã hết, tập khí chưa hết vì sao không sanh?

Đáp: A-la-hán không có tâm đại từ bi, không có bốn thế nguyện độ hết thấy chúng sanh; lại lấy việc tác chứng thật tế, đã lìa sanh tử.

Lại nữa, trước đã đáp có hai thứ lậu hết, trong đây không nói Bồ-tát được Lậu tận thông, chỉ tự nói người muốn được sáu thần thông, nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Nghĩa của sáu thần thông như Phật nói ở phẩm sau. Phẩm Tán thán Bồ-tát trên kia, cũng đã nói nghĩa năm thần thông của Bồ-tát.

Hỏi: Thần thông có thứ lớp thế nào?

Đáp: Bồ-tát lìa năm dục, được các thiền, có từ bi nên vì chúng sanh mà thủ lấy thần thông, hiện các việc hy hữu kỳ lạ, khiến chúng sanh tâm được thanh tịnh. Vì cơ sao? Vì nếu không có việc hy hữu thì không thể khiến nhiều chúng sanh đắc độ.

1. Đại Bồ-tát suy nghĩ như vậy rồi, buộc tâm vào chỗ hư không trong thân, diệt tướng sắc thô trọng, thường thủ lấy tướng rỗng nhẹ, phát tâm đại dục tinh tấn, trí tuệ trừ lượng, thử sức tâm có thể cất nổi thân chưa? Trừ lượng rồi, tự biết sức tâm lớn, có thể cất nổi thân, ví như học bay, thường bỏ tướng sắc thô trọng mà thường tu tập theo tướng rỗng nhẹ, bấy giờ liền bay được.

2. Cũng có thể biến hóa các vật, khiến đất thành nước, nước thành đất, gió thành lửa, lửa thành gió, các đại như vậy, đều làm cho nó chuyển đổi, khiến vàng thành ngói gạch, ngói gạch thành vàng, các vật như vậy, đều khiến biến hóa. Muốn biến đất thành nước, thường tu tập niệm tướng nước làm cho nhiều hơn, không còn niệm tướng tướng đất, khi ấy tướng đất theo như niệm tướng biến thành nước; các vật như vậy, đều có thể biến hóa.

Hỏi: Nếu như vậy thì có khác gì với tu nhất thiết nhập?

Đáp: Tu nhất thiết nhập là bước đầu của thần thông. Trước đã được nhất thiết nhập, tám bội xả, tám thắng xứ, làm cho tâm nhu nhuyễn chiết phục, vậy sau mới dễ vào thần thông.

Lại nữa, trong nhất thiết nhập, chỉ riêng mình tự thấy đất biến thành nước, còn người khác không thấy, trong thần thông thì không vậy, tự thấy thật là nước, người khác cũng thấy thật là nước.

Hỏi: Nhất thiết nhập cũng là đại định, cơ sao không khiến thành nước thật cho mình và người đều thấy?

Đáp: Đối tượng của pháp quán nhất thiết nhập rộng, nên chỉ có thể làm cho tất cả thành nước, mà không thể làm cho thật là nước. Còn thần thông không thể khắp tất cả chỗ, mà chỉ có thể khiến đất chuyển thành nước, bèn thành nước thật, vì vậy nên hai định lực khác nhau.

Hỏi: Việc biến hóa của hai định ấy là thật hay là hư? Nếu thật, làm sao đá thành vàng, đất thành nước? Nếu hư, tại sao thánh nhân mà làm

việc không thật?

Đáp: Đều thật, Thánh nhân không hư, vì đã nhỏ hết ba độc, và vì các pháp không có tướng nhất định, nên có thể chuyển đất thành nước... như sáp, keo là loại đất mà gặp lửa thì tiêu ra nước, thành tướng ướt. Nước gặp lạnh thì kết thành băng, là tướng cứng, như đá thành vàng, vàng hỏng thành đồng hoặc trở lại đá. Chúng sanh cũng như vậy, ác có thể thành thiện, thiện có thể thành ác, vì vậy nên biết hết thủy pháp không có tướng nhất định. Dùng sức thần thông biến hóa, là thật chứ không dối. Nếu pháp vốn có tướng nhất định, thì không thể biến.

3. Thần thông của các Hiền, Thánh, tùy ý tự tại đối với sáu trần, thấy đẹp có thể sanh ý tưởng chán, thấy xấu có thể sanh ý tưởng vui, cũng có thể lìa ý tưởng đẹp xấu mà hành tâm xả, ấy gọi là ba loại thần thông. Thần thông tự tại này, chỉ Phật mới đầy đủ. Bồ-tát được thần thông đạo qua các nước Phật, đối với ngôn ngữ bất đồng của các nước khác nhau và đối với âm thanh của chúng sanh vi tế, xa xôi không nghe được, nên cầu có Thiên nhĩ thông. Thường nhớ nghĩ đến nhiều loại tiếng lớn, thủ lấy tướng ấy tu hành, thường tu tập, nên được có tai tạo thành bởi sắc thanh tịnh của tứ đại cõi Sắc, được rồi, bèn nghe xa đối với âm thanh người, trời, thô, tế; xa, gần đều thông suốt không ngăn ngại.

Hỏi: Như trong Thiên kinh nói: Trước hết được Thiên nhãn, thấy chúng sanh mà không nghe được tiếng, nên cầu được Thiên nhĩ thông. Được Thiên nhãn, Thiên nhĩ thấy biết được thân hình, âm thanh của chúng sanh, mà không hiểu được ngôn ngữ, các lời lo, mừng, khổ, vui, nên cầu được trí từ vô ngại. Chỉ biết lời mà không biết được tâm, nên cầu được trí biết Tha tâm. Biết tâm mà chưa biết từ đâu đến, nên cầu được Túc mạng thông. Đã biết từ đâu đến, lại muốn trị tâm bệnh cho họ nên cầu được Lưu tận thông. Được đầy đủ năm thông rồi, mà không thể biến hóa cho nên việc độ thoát chưa rộng, không thể hàng phục người tà kiến, người đại phúc đức, nên cầu được thần thông Như ý. Thứ lớp phải như vậy, có sao đây nói trước tiên cầu thần thông Như ý?

Đáp: Chúng sanh kẻ thô thì nhiều, kẻ tế thì ít, cho nên trước dùng thần thông Như ý, thần thông Như ý gồm được cả thô tế, độ người được nhiều nên nói trước.

Lại nữa, các thần thông được pháp khác nhau, số pháp khác nhau. Được pháp nhiều thì trước cầu Thiên nhãn, vì dễ được. Hành giả dùng các ánh sáng mặt trời, mặt trăng, sao, ngọc, lửa... thủ lấy tướng sáng của nó, thường siêng tinh tấn, khéo tu tập, ngày đêm không đổi khác, hoặc trên hoặc dưới, hoặc trước hoặc sau, đồng nhất sáng suốt, không bị ngăn

ngại, khi ấy bắt đầu được Thiên nhân thần thông. Các thần thông khác thứ lớp được, như vừa nói.

Lại nữa, Phật như chỗ tự chứng được mà thứ lớp nói cho người. Phật đầu đêm được một thông một minh, đó là Như ý thông và Túc mạng minh; giữa đêm được Thiên nhĩ thông và Thiên nhãn minh; cuối đêm được Tha tâm trí thông và Lưu tận minh. Cầu được minh phải dụng công nhiều nên nói sau. Thông và minh thứ lớp được, như bốn quả Sa-môn, quả lớn thì ở sau.

Hỏi: Nếu Thiên nhân dễ được nên ở trước, sao Bồ-tát không trước được Thiên nhân?

Đáp: Bồ-tát đối với các pháp đều dễ không khó, còn người khác vì độn căn nên có khó có dễ.

Lại nữa, đầu đêm ma vương đến muốn chiến đấu với Phật, Bồ-tát dùng sức thần thông biến hóa các thứ làm cho binh khí của ma đều thành anh lạc. Hàng ma xong, tiếp nghĩ đến thần thông muốn cho đầy đủ. Mống tâm liền vào, liền được đầy đủ thần thông. Hàng ma xong, tự nghĩ một thân làm sao được sức lớn? Bèn cầu Túc mạng minh, tự biết do năng lực phước đức đã tích tụ nhiều đời. Giữa đêm ma liền đi xa, vắng lặng không tiếng, vì thương xót tất cả, nghĩ tới tiếng chúng ma, phát sanh Thiên nhĩ thông và Thiên nhãn minh. Dùng Thiên nhĩ ấy, nghe tiếng khổ vui của chúng sanh trong mười phương năm đường. Nghe tiếng xong muốn thấy hình mà bị ngăn che không thấy nên cầu được Thiên nhân. Lúc cuối đêm đã thấy thân hình chúng sanh lại muốn biết tâm của chúng, nên cầu Tha tâm trí. Biết tâm chúng sanh đều muốn lìa khổ cầu vui, nên Bồ-tát cầu Lưu tận thông. Trong các thứ vui, vui Lưu tận hơn hết, nên làm cho chúng sanh chứng được.

Hỏi: Bồ-tát đã được vô sanh pháp nhẫn, đời đời thường được quả báo thần thông, sao nay tự nghĩ, đã thấy chúng sanh mà không biết tâm của chúng?

Đáp: Có hai hạng Bồ-tát:

1. Pháp tánh sanh thân Bồ-tát.
2. Vì độ chúng sanh nên phương tiện chịu làm thân theo phép tắc của con người, sanh vào nhà vua Tịnh phạn, ra dạo bốn cửa thành, hỏi người già, bệnh, chết, làm vị Bồ-tát ngồi dưới cây thọ vương, đầy đủ sáu thần thông.

Lại nữa, Bồ-tát thần thông, trước đã có mà chưa đầy đủ, nay đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm chứng được, ấy là Phật thần thông. Làm theo phép tắc của con người nên tự nghi, không có lỗi.

Hỏi: Theo thứ lớp sáu thần thông, thì nên trước hết là Thiên nhãn, cuối cùng là Lộ tận thông. Song cũng có khi không theo thứ lớp như vậy chăng?

Đáp: Phần nhiều trước có Thiên nhãn, sau là Lộ tận trí, hoặc có khi tùy chỗ ưa tu mà được Thiên nhĩ trước hoặc thần túc trước.

Có người nói, ở Sơ thiền, Thiên nhĩ dễ được, vì có bốn tâm được giác quán (nhãn, nhĩ, thân, ý thức – N.D); ở Nhị thiền, Thiên nhãn dễ được, vì nhãn thức không có, tâm thu nhiếp không tán loạn; ở Tam thiền, Như ý thông dễ được, vì thân thụ hưởng khoái lạc; ở Tứ thiền, các thông đều dễ được, vì là chỗ hết thấy an ổn.

Nghĩa của Túc mạng, Tha tâm, Lộ tận như trong đoạn Mười lực đã nói.

KINH: Muốn biết hết thấy chúng sanh tâm xu hướng về đâu, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN. Hỏi: Trong sáu thông đã nói thần thông biết Tha tâm, sao nay còn nói lại?

Đáp: Cảnh giới của Tha tâm thông ít, chỉ biết được tâm tâm số pháp của chúng sanh hiện tại ở cõi Dục cõi Sắc, chứ không biết được tâm tâm số pháp của chúng sanh ở quá khứ, vị lai và ở cõi Vô sắc. Thần thông phạm phu thì đối với Tứ thiên địa trên, tùy theo chỗ được thần thông trở xuống, biết khắp được tâm tâm số pháp của chúng sanh trong bốn châu thiên hạ; Thần thông Thanh văn, đối với Tứ thiên trên, tùy theo chỗ được thần thông trở xuống, biết khắp được tâm tâm số pháp của chúng sanh trong ngàn thế giới. Thần thông Bích-chi Phật, đối với Tứ thiên địa trên, tùy theo chỗ được thần thông trở xuống, biết khắp được tâm tâm số pháp của chúng sanh trong trăm ngàn thế giới. Người độn căn ở địa trên không thể biết tâm tâm số pháp của người lợi căn ở địa dưới; phạm phu không biết được tâm tâm số pháp của Thanh văn, Thanh văn không biết được tâm tâm số pháp của Bích-chi Phật; Bích-chi Phật không biết được tâm tâm số pháp của Phật. Vì vậy nên nói muốn biết hết thấy chúng sanh tâm hành hướng về đâu, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Lấy trí gì mà biết được tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh?

Đáp: Các đức Phật có giải thoát vô ngại, vào trong giải thoát ấy có thể biết được tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh. Các đại Bồ-tát được giải thoát vô ngại tương tự, cũng có thể biết tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh. Tân học Bồ-tát muốn được giải thoát vô ngại của đại Bồ-tát ấy và của Phật, dùng giải thoát vô ngại ấy mà biết tâm tâm

số pháp của hết thấy chúng sanh. Đại Bồ-tát thì muốn được giải thoát vô ngại của Phật, nên tuy đã nói biết Tha tâm thông, nay còn nói muốn biết hết thấy chúng sanh tâm xu hướng về đâu, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Tâm xu hướng về đâu, tâm có đi hay không đi? Nếu có đi, thì ở đây không có tâm, giống như người chết; nếu không đi thì làm sao biết được? Như Phật nói, nương ý duyên pháp mà có ý thức sanh ra, nếu ý không đi thì không hòa hợp (với pháp – N.D)?

Đáp: Tâm không đi không ở mà có thể biết, như trong kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói: Hết thấy pháp không có tướng đi đến, làm sao nói tâm có đi đến? Lại nói các pháp khi sanh không từ đâu đến, khi diệt không đi đâu, nếu có đến đi tức rơi vào thường kiến. Các pháp không có tướng nhất định. Vì vậy nên chỉ do trong sáu căn ngoài sáu trần hòa hợp sanh sáu thức, và sanh sáu thọ, sáu tưởng, sáu tư. Do vậy, nên tâm như huyền hóa, có thể biết tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh, mà không có người biết, không có người thấy. Như trong phẩm Tán thán Đại thừa nói: Nếu tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh, tánh thật có không hư dối, thì Phật không thể biết tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh; vì tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh, tánh thật hư dối, không đến không đi, nên Phật biết được tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh. Ví như Tỳ-kheo người tham cầu thì không được cúng dường, người không tham cầu thì không thiếu thốn chi. Tâm cũng như vậy, nếu phân biệt thủ tướng, thì không được thật tướng pháp, không được thật tướng pháp, thì không thể thông suốt biết tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh. Nếu không thủ tướng, không phân biệt, thì được thật tướng pháp, được thật tướng pháp nên có thể thông suốt biết tâm tâm số pháp của hết thấy chúng sanh không ngăn ngại.

Hỏi: Các tâm của tất cả chúng sanh có thể biết được hết ư? Nếu biết hết thì chúng sanh có biên giới, nếu không biết thì cơ sao nói muốn biết hết thấy chúng sanh tâm xu hướng về đâu? Làm sao Phật có được Nhất thiết chủng trí?

Đáp: Tâm tâm số pháp của tất cả chúng sanh, có thể biết hết được. Vì cơ sao? Vì như trong Kinh nói: Trong tất cả người nói thật, Phật là hơn cả. Nếu không thể biết tâm của hết thấy chúng sanh đến tận biên tế, thì sao Phật nói biết hết? Cũng không gọi là người Nhất thiết trí, nhưng lời Phật nói đều thật, chắc chắn phải thật có người Nhất thiết trí.

Lại nữa, chúng sanh tuy vô biên thì Nhất thiết chủng trí cũng vô biên. Ví như hộp lớn nắp cũng lớn. Nếu trí tuệ có biên mà chúng sanh vô biên, mới nên có vấn nạn ấy. Nay trí tuệ và chúng sanh đều vô biên,

thì vẫn nạn của ông sai.

Lại nữa, nếu nói hữu biên vô biên, hai điều ấy ở trong Phật pháp bỏ qua không đáp. Mười bốn việc ấy vì hư dối không thật, vô ích không nên vẫn nạn.

Hỏi: Nếu hữu biên vô biên, đều không thật, nhưng Phật nhiều chỗ nói vô biên, như nói chúng sanh có si ái trở lại đây vô thỉ vô biên, mười phương cũng vô biên tế?

Đáp: Chúng sanh vô biên, trí tuệ Phật vô biên, ấy là thật. Nếu ai chấp trước vô biên, thủ tướng hý luận, Phật nói đó là tà kiến. Ví như nói thế gian thường hoặc vô thường, cả hai đều điên đảo, rơi vào trong mười bốn nạn vẫn, nhưng Phật phần nhiều dùng nghĩa vô thường để độ chúng sanh, ít dùng nghĩa hữu thường. Nếu chấp trước vô thường, thủ tướng hý luận, thì Phật nói đó là tà kiến hư vọng. Nếu không chấp trước vô thường, biết vô thường tức là khổ, khổ tức là vô ngã, vô ngã tức là không, được như vậy nương vô thường quán mà vào các pháp không, bèn là thật. Vì vậy nên biết vô thường đứng vào trong chân đế, là thật, đứng vào trong mười bốn nạn vẫn, vì lý do chấp trước, nên nói là tà kiến. Thế

nên nói vô thường để rõ vô biên, vô biên nên chúng sanh nhằm chán sanh tử dài lâu, ví như bốn mươi Tỳ-kheo ở nước Ba-lê cùng tu mười hai tịnh hạnh, đi đến chỗ Phật, Phật dạy cho hạnh yếm ly. Phật hỏi Tỳ-kheo: Năm sông là Hằng-già, Lam-mâu-na, Tát-la-do, A-chỉ-la-bà-đề, Ma-hê, từ chỗ phát nguyên chảy vào biển cả, nước trong biển ấy nhiều hay ít?

Tỳ-kheo thưa: Rất nhiều! Phật nói: Chỉ một người trong một kiếp, khi làm súc sanh bị giết, cắt, lột, hoặc khi phạm tội bị cắt tay chân, chặt đầu, huyết chảy ra như vậy, nhiều hơn nước biển kia. Như vậy trong vô biên đại kiếp, thọ thân xuất huyết không thể kể xiết, kêu khóc rơi lệ và uống sữa mẹ, cũng nhiều như vậy. Một người trong một kiếp chứa xương chất quá hơn núi lớn Tỳ-phú-la (núi này người Thiên trúc thường trông thấy, dễ tin, cho nên nói đến). Chịu khổ sanh tử trong vô lượng kiếp như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, nhằm ghét thế gian, tức thời đắc đạo.

Lại nữa, nghe nói mười phương chúng sanh nhiều vô biên liền sanh tâm hoan hỷ thọ giới bất sát được vô biên phước đức. Do nhân duyên ấy đối Bồ-tát mới phát tâm, hết thấy chúng sanh trong thế gian đều nên cúng dường. Vì cơ sao? Vì độ chúng sanh trong vô biên thế giới, nên công đức cũng vô biên, có lợi ích như vậy nên nói “Vô biên”. Vì vậy nên nói biết hết thấy chúng sanh tâm xu hướng về đâu, như mặt trời chiếu thiên hạ, một lúc cùng chiếu đến, khắp nơi đều sáng.

KINH: Bồ-tát ma-ha-tát muốn hơn trí tuệ của hết thấy Thanh văn,

Bích-chi Phật, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN. Hỏi: Thế nào là trí tuệ của Thanh văn, Bích-chi Phật?

Đáp: Do tướng chung tướng riêng quán thật tướng các pháp, đó là trí tuệ Thanh văn, như trong Kinh nói: Đầu lấy trí tuệ phân biệt các pháp, sau dùng trí tuệ Niết-bàn. Trí tuệ phân biệt các pháp là tướng riêng, trí tuệ Niết-bàn là tướng chung.

Lại nữa, biết pháp ấy là mở, pháp ấy là trói, là lưu chuyển, là trở về, là sanh, là diệt, là vị ngọt, là tai họa, là nghịch, là thuận, là bờ này, là bờ kia, là thế gian, là xuất thế gian, phân biệt các pháp theo hai môn, gọi là trí tuệ Thanh văn.

Lại nữa, có ba thứ trí tuệ, là biết năm thọ uẩn tập như vậy, tán như vậy, xuất như vậy; là vị ngọt, là tai họa, là xuất ly. Trí tuệ tương ứng với ba giải thoát môn. Như vậy phân biệt các pháp theo ba môn.

Lại nữa, có bốn thứ trí tuệ, là trí về bốn niệm xứ; trí pháp; trí tử (loại trí), trí tha tâm, trí thế; trí khổ, trí tập, trí diệt, trí đạo; trí biết bất tịnh, trí biết vô thường, trí biết khổ, trí biết vô ngã; trí biết vô thường, trí biết khổ, trí biết không, trí biết vô ngã; trí pháp, trí tử, trí tận, trí vô sanh. Như vậy phân biệt các pháp theo bốn môn.

Lại nữa, từ khổ pháp trí nhãn tuệ cho đến Không không tam-muội, Vô tướng vô tướng tam muội, Vô tác vô tác tam-muội trí, các trí tuệ có được ở khoảng trung gian ấy đều là trí tuệ Thanh văn. Nói lược là nhằm chán thế gian, niệm tướng Niết-bàn là ba cõi đoạn các phần não, đắc pháp tối thượng là Niết bàn ấy gọi là trí tuệ Thanh văn.

Lại nữa, như trong phẩm Bát-nhã Ba-la-mật nghĩa nói: tướng trí tuệ Bồ-tát và trí tuệ Thanh văn là một trí tuệ. Chỉ vì Thanh văn không có phương tiện, không có thế nguyện rộng lớn trang nghiêm, không có tâm đại từ đại bi, không cầu hết thấy Phật pháp, không cầu Nhất thiết chủng trí biết hết thấy pháp, chỉ nhằm chán già, bệnh, chết, dứt các ái buộc ràng, thẳng đến Niết-bàn, ấy là khác.

Hỏi: Thanh văn như vậy, còn trí tuệ Bích-chi Phật thế nào?

Đáp: Trí tuệ Thanh văn tức là trí tuệ Bích-chi Phật, chỉ có sai biệt là thời tiết, lợi căn, phước đức. Thời tiết là lúc không có Phật ở đời cũng không có Phật pháp, do một ít nhân duyên xuất gia đắc đạo, gọi là Bích-chi Phật. Lợi căn là khác, pháp tướng là đồng, chỉ do trí tuệ vào sâu mà được đạo Bích-chi Phật. Phước đức là có tướng, hoặc một tướng, hai tướng cho đến ba mươi một tướng. Hoặc gặp được thánh pháp trong Phật pháp đời trước, sau khi pháp diệt chứng thành A-la-hán, ấy gọi là Bích-chi Phật, thân không có tướng hảo. Có vị Bích-chi Phật mau nhất là tu

hành bốn đời, lâu là tu hành trăm kiếp, như Thanh văn có vị mau là ba đời lâu là sáu mươi kiếp. Nghĩa này trước đã nói rộng.

Hỏi: Như Phật nói bốn quả Sa-môn, bốn bậc Thánh nhân, từ Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán; năm hạng Phật tử, từ Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật; ba thứ Bồ-đề là Thanh văn Bồ-đề, Độc-giác Bồ-đề, Phật Bồ-đề. Như vậy, trong quả, trong Thánh, trong Phật tử, trong Bồ-đề đều không có Bồ-tát, tại sao nói Bồ-tát hơn trí tuệ của hết thầy Thanh văn, Bích-chi Phật?

Đáp: Phật pháp có hai: 1. Thanh văn, Bích-chi Phật pháp. 2. Đại thừa pháp. Pháp Thanh văn nhỏ nên chỉ tán thán việc Thanh văn, không nói đến việc Bồ-tát; pháp Đại thừa rộng lớn nên nói việc của đại Bồ-tát là phát tâm, tu hành, mười địa, vào pháp vị, tịnh quốc độ Phật, thành tựu chúng sanh, chứng được Phật đạo. Trong pháp này nói, Bồ-tát ở dưới Phật, hãy nên như cúng dường Phật. Hay quán các pháp tướng như vậy, ấy là phước điền, hơn Thanh văn, Bích-chi Phật.

Như vậy, trong kinh Đại thừa nơi nơi đều tán thán trí tuệ đại Bồ-tát hơn Thanh văn, Bích-chi Phật. Như trong kinh Bửu đẳng nói: Chuyển luân thánh vương thiếu một không đủ ngàn người con, tuy có đại lực, mà chư thiên, người đời không quý trọng. Còn giòng Chuyển luân thánh vương thật, dù ở trong thai mới bảy ngày đầu, đã được chư thiên quý trọng. Vì sao? Vì chín trăm chín mươi chín người con không thể nổi được dòng giống Chuyển luân Thánh vương, làm sao người đời được vui hiện tại và tương lai. Còn giòng Chuyển luân thánh vương thật, tuy ở trong thai nhưng chắc chắn có thể nối ngôi Thánh vương, cho nên được cung kính. Các A-la-hán, Bích-chi Phật cũng vậy, tuy được Năm căn, Năm lực, Bảy giác ý, Tám thánh đạo, Sáu thần thông, các thiền định, lực trí tuệ, thật tế được chứng, làm phước điền cho chúng sanh, mà mười phương chư Phật không quý trọng. Bồ-tát tuy còn ở trong bào thai các kiết sử phiền não, ba độc tham dục trói buộc, khi mới phát đạo tâm vô thượng chưa có thể làm gì mà đã được chư Phật quý. Vì vị ấy dần dần sẽ thực hành sáu Ba-la-mật, được lực phương tiện, vào địa vị Bồ-tát, cho đến được Nhất thiết chủng trí, độ vô lượng chúng sanh, không dứt hạt giống Phật, hạt giống Pháp, hạt giống Tăng, không dứt mất nhân duyên của sự thanh tịnh an lạc cõi trời, cõi người.

Lại như chim Ca-lăng-tần-già, còn ở trong vỏ trứng đã phát ra âm thanh vi diệu hơn các loài chim khác. Đại Bồ-tát cũng như vậy. Tuy chưa ra khỏi vỏ vô minh mà âm thanh thuyết pháp nghị luận hơn Thanh văn, Bích-chi Phật và ngoại đạo, như trong kinh Minh võng nói: Tuệ mạng

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát thuyết pháp, nếu ai hiểu được, được công đức lớn. Vì sao? Vì cho đến được nghe tên các Bồ-tát ấy cũng được lợi ích lớn, huống gì được nghe các vị thuyết pháp. Bạch Thế Tôn! Ví như trồng cây, không nương nơi đất mà muốn được gốc, cành, cọng, lá, thành hoa quả, là điều khó được. Các Bồ-tát tu hành cũng như vậy, không trú nơi hết thấy pháp mà hiện trú ở sanh tử, ở trong thế giới chư Phật, tự tại vui nói pháp trí tuệ, ai nghe được pháp do đại trí tuệ du hí tự tại vui nói ấy mà không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác!

Bấy giờ trong hội có Bồ-tát Phổ Hoa nói với Xá-lợi-phất: Trưởng lão là bậc trí tuệ đệ nhất trong hàng đệ tử Phật, nay Trưởng lão đối pháp tánh các pháp chẳng được chăng? Sao không dùng đại trí tuệ tự tại vui thuyết pháp?

Xá-lợi-phất nói: Các đệ tử Phật, đúng như cảnh giới của họ, thì có thể có thuyết pháp.

Bồ-tát Phổ Hoa lại hỏi: Pháp tánh có cảnh giới không?

Xá-lợi-phất nói: Không.

Nếu pháp tánh không có cảnh giới, thì cơ sao Trưởng lão nói đúng như cảnh giới của họ thì có thể có thuyết pháp?

Xá-lợi-phất nói: Tùy chỗ pháp chứng được mà thuyết.

Phổ Hoa lại nói: Trưởng lão lấy pháp tánh vô lượng tướng làm cảnh chứng ư?

Xá-lợi-phất nói: Phải.

Phổ Hoa nói: Sao nay nói tùy chỗ chứng được mà thuyết? Như pháp tánh chứng được là vô lượng thì thuyết cũng phải vô lượng, mà pháp tánh vô lượng thì chẳng phải tướng lường được?

Xá-lợi-phất nói: Pháp tánh chẳng phải tướng nắm bắt được.

Phổ Hoa nói: Nếu pháp tánh chẳng phải tướng nắm bắt được, thì ông lìa pháp tánh được giải thoát chăng?

Xá-lợi-phất nói: Không! Vì sao? Vì pháp tánh là tướng không biến hoại.

Phổ Hoa nói: Thánh trí mà ông chứng được cũng như pháp tánh ư?

Xá-lợi-phất nói: Tôi muốn nghe pháp, chẳng phải lúc thuyết.

Phổ Hoa nói: Hết thấy pháp nhất định ở trong pháp tánh, có người nghe, người nói ư?

Xá-lợi-phất nói: Không.

Phổ Hoa nói: Sao ông nói tôi muốn nghe pháp chẳng phải lúc thuyết?

Xá-lợi-phất nói: Phật nói hai hạng người được phước vô lượng là người nhất tâm thuyết pháp và người nhất tâm nghe pháp.

Phổ Hoa nói: Ông vào trong diệt tận định, có thể nghe pháp chẳng?

Xá-lợi-phất nói: Nay thiện nam tử! Trong diệt tận định không nghe pháp.

Phổ Hoa nói: Ông tin thọ tướng thường tịch diệt của hết thấy pháp-chẳng?

Xá-lợi-phất nói: Tin việc ấy!

Phổ Hoa nói: Pháp tánh thường tịch diệt nên không nghe pháp. Vì sao? Vì các pháp tướng thường tịch diệt.

Xá-lợi-phất nói: Ông có thể không dậy khỏi định mà thuyết pháp chẳng?

Phổ Hoa nói: Không có pháp nào chẳng phải tướng định.

Xá-lợi-phất nói: Nếu như vậy, thì nay hết thấy phạm phu đều là thiên định?

Phổ Hoa nói: Phải! Hết thấy phạm phu đều là thiên định.

Xá-lợi-phất nói: Thiên định gì mà hết thấy phạm phu đều thiên định?

Phổ Hoa nói: Vì tam-muội pháp tánh bất hoại, nên biết thấy phạm phu đều là thiên định.

Xá-lợi-phất nói: Nếu như vậy thì phạm phu với thánh nhân không khác gì nhau?

Phổ Hoa nói: Tôi cũng không muốn khiến cho phạm phu và thánh nhân có sai khác. Vì sao? Vì thánh nhân không có pháp diệt, phạm phu cũng không có pháp sanh. Hai tướng ấy đều không ra ngoài pháp tánh.

Xá-lợi-phất nói: Thiện nam tử! Thế nào là tướng pháp tánh?

Đáp: Đó là điều biết thấy của Trưởng lão lúc đắc đạo.

Lại hỏi: Sanh pháp Thánh chẳng?

- Không.

- Diệt pháp phạm phu chẳng?

- Không.

- Được pháp Thánh chẳng?

- Không.

- Thấy biết pháp người phạm phu chẳng?

- Không.

- Vậy Trưởng lão dùng tri kiến nào mà được Thánh đạo?

Xá-lợi-phất nói: Người phạm phu như (chân như), Tỳ-kheo được

giải thoát như, Tỳ-kheo vào Vô dư Niết-bàn như; như ấy một như như không sai khác.

Phổ Hoa nói: Xá-lợi-phất, ấy là tướng pháp tánh như, bất hoại như, dùng như ấy sẽ biết hết thủy pháp đều như.

Xá-lợi-phất lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Ví như đồng lửa lớn, không vật gì không đốt cháy. Các thượng nhân ấy thuyết pháp cũng như vậy, hết thủy pháp đều vào trong pháp tánh.

Lại như trong kinh Tỳ-ma-la-cật nói: Các Thanh văn, như Xá-lợi-phất... đều tự nói rằng: Tôi không kham đến chỗ kia hỏi thăm bệnh được. Mỗi người tự nói vì trước đã bị Tỳ-ma-la-cật quở mắng. Như vậy, trong các Kinh nói trí tuệ Bồ-tát hơn Thanh văn, Bích-chi Phật.

Hỏi: Nhân duyên gì mà trí tuệ Bồ-tát hơn Thanh văn, Bích-chi Phật?

Đáp: Như trong kinh Nhất Bản sanh nói: Trí tuệ Bồ-tát, từ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp lại đây, tập hợp các trí, trong vô lượng kiếp, không khổ gì không hành, không khó gì không làm, chỉ vì cầu pháp, nên nhảy vào lửa, nhảy từ núi cao, chịu khổ cắt lột da, lấy xương làm viết, lấy huyết làm mực, lấy da làm giấy, viết chép kinh pháp, như vậy vì pháp nên thọ vô lượng khổ, vì trí tuệ nên đời đời cúng dường thầy dạy pháp xem như Phật. Tất cả Kinh sách đều đọc tụng, giải nói, trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, thường suy nghĩ trừ lượng, tìm cầu các pháp tốt xấu, sâu cạn, thiện chẳng thiện, lậu chẳng lậu, thường chẳng thường, có, không... suy nghĩ phân biệt vấn nạn, vì trí tuệ nên cúng dường chư Phật và Bồ-tát, Thanh văn, nghe pháp, vấn nạn, lén thọ, ghi nhớ đúng, như pháp tu hành; nhân duyên trí tuệ đầy đủ như vậy, làm sao không hơn A-la-hán, Bích-chi Phật?

Lại nữa, trí tuệ Bồ-tát, có năm Ba-la-mật giúp đỡ trang nghiêm, có lực phương tiện, đối với hết thủy chúng sanh có tâm từ bi, nên không bị tà kiến chướng ngại. Trú trong mười địa, thế lực trí tuệ sâu lớn. Vì nhân lớn nên hơn Thanh văn, Bích-chi Phật. Vì nhân lớn nên cái nhỏ tự hoại. A-la-hán, Bích-chi Phật, không có việc ấy.

Vì vậy nên nói muốn hơn trí tuệ Thanh văn, Bích-chi Phật, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Muốn được các Đà-la-ni môn, các Tam-muội môn, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Đà-la-ni như trong phẩm Tán thán Bồ-tát đã nói:

Môn là các pháp phương tiện để được Đà-la-ni, như ba tam-muội gọi là cửa giải thoát môn.

Thế nào là phương tiện? Nếu người muốn được giữ gìn những điều đã nghe, không mất, hãy nên nhất tâm ghi nhớ, làm cho tâm ghi nhớ tăng trưởng, trước nên để ý nơi việc tương tự, buộc tâm khiến biết việc không thấy được, như Châu-lợi Bàn-đà-ca, buộc tâm nơi tấm dẻ chùi giày, khiến nghĩ nhớ thiền định mà trừ tâm nhớ cấu. Như vậy người bắt đầu học Văn trì Đà-la-ni, ba lần nghe có thể được, khi tâm căn dần dần lạnh lợi, thì hai lần nghe có thể được, khi thành tựu thì một lần nghe có thể được, được rồi nhớ mãi không quên; ấy là phương tiện ban đầu của Văn trì Đà-la-ni.

Hoặc có khi Bồ-tát vào trong thiền định, được môn giải thoát không quên, do năng lực giải thoát không quên, mà hết thấy ngôn ngữ thuyết pháp cho đến một câu một chữ, đều không thể quên. Đó là phương tiện thứ hai. Hoặc có khi do năng lực thần chú nên được Văn trì Đà-la-ni. Hoặc có khi do hành nghiệp nhân duyên đời trước, khi sanh ra nghe gì đều nhớ được không quên. Như vậy gọi là cửa vào Văn trì Đà-la-ni.

Lại nữa, Bồ-tát nghe hết thấy âm thanh ngữ ngôn, phân biệt gốc ngọn, quán thật tướng nó, biết âm thanh ngữ ngôn niệm niệm sanh diệt, âm thanh diệt rồi, mà chúng sanh niệm niệm chấp thủ tướng, nhớ ngôn ngữ đã diệt ấy, rồi nghĩ rằng, người đó mắng ta, liền sanh sân hận. Nghe ngợi khen cũng như vậy. Bồ-tát quán chúng sanh được như vậy, tuy có bị mắng nhiếc trăm ngàn kiếp, không sanh tâm giận, hoặc ngợi khen trăm ngàn kiếp, cũng không vui mừng. Biết âm thanh sanh diệt như tiếng vang. Lại như tiếng trống, không có ai làm. Nếu không ai làm, là không có nơi chốn, rốt ráo không, chỉ lừa dối tai người ngu; như vậy gọi là vào Âm thanh Đà-la-ni.

Lại nữa, có Đà-la-ni lấy hai mươi bốn chữ mà thu nhiếp hết tất cả ngôn ngữ danh tự. Những gì là hai mươi bốn chữ? Đó là A-la-ba-giá-na..., A-đề (ban đầu), A-nậu-ba-nại (bất sanh). Vị Bồ-tát tu hành Đà-la-ni nghe chữ “A” ấy, tâm liền vào tất cả pháp “ban đầu chẳng sanh”. Các chữ như vậy, mỗi chữ theo chỗ nghe, đều đưa vào trong thật tướng hết thấy các pháp; ấy gọi là Tự nhập môn Đà-la-ni, như trong phẩm Ma-ha-diễn nói các tự môn.

Lại nữa, Bồ-tát được các tam-muội hết thấy ba đời sáng suốt không ngại, đối với mỗi tam-muội được vô lượng vô số Đà-la-ni. Như vậy hòa hợp gọi là năm trăm Đà-la-ni môn, ấy là tạng công đức thiện pháp của Bồ-tát; như vậy gọi là Đà-la-ni môn.

Các tam-muội môn: Tam-muội có hai: Tam-muội trong pháp Thanh văn; tam-muội trong pháp Đại thừa.

Tam-muội trong pháp Thanh văn: là ba tam-muội.

Lại nữa, ba tam-muội là: Không không tam-muội, Vô tướng vô tướng tam-muội, Vô tác vô tác tam-muội.

Lại có ba tam-muội là có giác có quán, không giác có quán, không giác không quán.

Lại có năm chi tam-muội, năm trí tam-muội... ấy gọi là các tam-muội.

Lại nữa, hết thấy thiền định cũng gọi là định, cũng gọi là tam-muội. Tứ thiền cũng gọi là thiền, cũng gọi là định, cũng gọi là tam-muội. Trừ Tứ thiền, các định khác cũng gọi là định, cũng gọi là tam-muội, cũng gọi là thiền. Định ở trong mười địa, gọi là tam-muội.

Có người nói: Ở Dục giới địa cũng có tam-muội. Vì cớ sao? Vì trong Dục giới có hai mươi hai đạo phẩm nên biết có tam-muội. Nếu không tam-muội thì không thể được công đức thâm diệu ấy.

Lại nữa, trong ngàn câu hỏi có câu hỏi này: Trong bốn thánh chủng, mấy hệ thuộc Dục giới, mấy hệ thuộc Sắc giới, mấy hệ thuộc Vô sắc giới, mấy không hệ thuộc? Đáp: Tất cả nên phân biệt. Bốn thánh chủng hoặc hệ thuộc Dục giới, hoặc hệ thuộc Sắc giới, hoặc hệ thuộc Vô sắc giới, hoặc không hệ thuộc. Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, bốn như ý túc cũng như vậy. Do nghĩa đó nên biết ở Dục giới có tam-muội. Nếu tâm tán loạn làm sao được pháp thượng diệu. Vì vậy nên tam-muội đều có ở trong chín địa (từ ngũ thú tạp cư địa đến phi phi tưởng xứ địa – N.D). Các tam-muội như vậy, ở trong A-tỳ-đàm có phân biệt rộng.

Tam-muội trong pháp Đại thừa: Từ Thủ-lăng-nghiêm tam-muội, cho đến tam-muội hư không tế giải thoát không vướng mắc. Lại như tam-muội thấy hết thấy Phật, cho đến hết thấy Như Lai giải thoát. Tu quán vô lượng vô số Bồ-tát tam-muội, như Sư tử tần thân tam-muội...

Như có tam-muội tên là Vô lượng tịnh. Bồ-tát được tam-muội này, có thể thị hiện thân hết thấy thanh tịnh.

Có tam-muội tên là Oai tướng. Bồ-tát được tam-muội này, có thể át cả oai đức mặt trời mặt trăng.

Có tam-muội tên là Diệm sơn, Bồ-tát được tam-muội này, có thể át cả oai đức của Đế-thích Phạm thiên.

Có tam-muội tên là Xuất trần, Bồ-tát được tam-muội này, có thể diệt hết thấy ba độc cho đại chúng.

Có tam-muội tên là Vô ngại quang, Bồ-tát được tam-muội này, có thể chiếu soi hết thấy cõi Phật.

Có tam-muội tên là Không quên hết thấy pháp. Bồ-tát được tam-

muội này có thể ghi nhớ hết thấy pháp Phật nói và giảng nói lại lời Phật cho người khác.

Có tam-muội tên là Tiếng như sấm. Bồ-tát được tam-muội này, có thể dùng Phạm thanh đầy khắp mười phương Phật quốc.

Có tam-muội tên là Làm vui thích cho hết thấy chúng sanh. Bồ-tát được tam-muội này, có thể làm cho hết thấy người có tâm tâm hoan hỷ.

Có tam-muội tên là Ưa thấy không chán. Bồ-tát được tam-muội này, hết thấy chúng sanh ưa thấy ưa nghe không biết nhàm chán.

Có tam-muội tên là Quả báo công đức vui trong một duyên không thể nghĩ bàn. Bồ-tát được tam-muội này, thành tựu hết thấy thần thông.

Có tam-muội tên là Biết hết thấy âm thanh ngữ ngôn. Bồ-tát được tam-muội này có thể nói hết thấy âm thanh ngữ ngôn, trong một chữ nói ra hết thấy chữ, trong hết thấy chữ nói ra một chữ.

Có tam-muội tên là Nhóm hết thấy phước đức nghiệp quả báo. Bồ-tát được tam-muội này, thường im lặng nhập thiền định, mà vẫn khiến chúng sanh nghe Phật pháp, chúng nghe âm thanh sáu Ba-la-mật, pháp, Thanh văn, Bích-chi Phật, mà vị Bồ-tát ấy thật không nói một lời.

Có tam-muội tên là Vượt cao hết thấy Đà-la-ni vương. Bồ-tát được tam-muội này thì được vào vô lượng vô biên các Đà-la-ni.

Có tam-muội tên là Hết thấy vui nói. Bồ-tát được tam-muội này vui nói hết thấy chữ, hết thấy âm thanh, ngữ ngôn, thí dụ, nhân duyên. Như vậy là vô lượng tam-muội thế lực.

Hỏi: Tam-muội ấy chính là cửa tam-muội chăng?

Đáp: Tam-muội chính là cửa tam-muội.

Hỏi: Nếu như vậy, sao không chỉ nói tam-muội, mà còn nói cửa tam-muội?

Đáp: Các Tam-muội của Phật vô lượng vô số như hư không vô biên, Bồ-tát làm sao được hết. Bồ-tát nghe đến tam-muội ấy tâm liền thối mất, vì vậy Phật nói cửa tam-muội. Vào trong một cửa, thu nhiếp vô lượng tam-muội. Như cầm một góc áo, liền được cả áo; cũng như bắt được ong chú, cả bầy ong đều gom hết.

Lại nữa, triển chuyển làm cửa, như trì giới thanh tịnh, một lòng tinh tấn, đầu đêm cuối đêm, thường tu tư duy, lìa năm dục lạc, buộc tâm một chỗ, hành phương tiện ấy, được tam-muội ấy, đó gọi là cửa tam-muội.

Lại nữa, tam-muội thuộc Dục giới, là cửa tam-muội Vị đáo địa; tam-muội Vị đáo địa là cửa tam-muội Sơ thiên; tam-muội Sơ thiên và Nhị thiên biên địa là cửa vào tam-muội Nhị thiên, cho đến tam-muội Phi

hữu tướng phi vô tướng xứ cũng như vậy.

Noãn pháp định là cửa vào tam-muội Đảnh pháp; Đảnh pháp là cửa vào tam-muội Nhẫn pháp; Nhẫn pháp là cửa vào tam-muội Thế đệ nhất pháp; Thế đệ nhất pháp là cửa vào tam-muội Khổ pháp nhẫn; Khổ pháp nhẫn... cho đến là cửa vào tam-muội Kim cang.

Lược nói, hết thấy tam-muội có ba tướng là nhập, trú, xuất. Tướng xuất, tướng nhập gọi là cửa, tướng trú là thể tam-muội. Các pháp như vậy là cửa tam-muội trong pháp Thanh văn.

Cửa tam-muội trong pháp Đại thừa, như các tam-muội trong nghĩa Thiền Ba-la-mật, đã phân biệt nói rộng.

Lại nữa, Thi-la Ba-la-mật là cửa tam-muội. Vì sao? Vì ba chi là Phật đạo, đó là giới chi, định chi, tuệ chi. Giới chi thanh tịnh là cửa của định chi, vì giới hay sanh định; định chi hay sanh tuệ chi. Ba chi ấy hay dứt phiền não, hay cho Niết-bàn, vì vậy Thi-la Ba-la-mật và trí tuệ là cửa gần của tam-muội. Còn ba Ba-la-mật kia, tuy có nghĩa cửa mà là cửa xa, như do bố thí được phước đức, có phước đức nên sở nguyện thành tựu, được sở nguyện thành tựu nên tâm nhu nhuyễn, tâm từ bi nên biết sợ tội, biết nghĩ tới chúng sanh, quán thế gian không, vô thường, nên nhiếp tâm hành nhẫn nhục; nhẫn nhục cũng là cửa tam-muội.

Tinh tấn là chế tâm đối với năm dục trừ năm triền cái, nhiếp tâm không loạn, tâm đi thì thu lại không cho chạy loạn, là cửa tam-muội.

Lại nữa, Sơ địa là cửa vào tam-muội Nhị địa. Như vậy triển chuyển cho đến cửu địa là cửa vào tam-muội Thập địa. Thập địa là cửa vào tam-muội của vô lượng chư Phật. Như vậy mỗi mỗi làm cửa tam-muội.

Hỏi: Cửa Đà-la-ni và cửa tam-muội là đồng hay là khác? Nếu đồng, sao còn nói lại. Nếu khác, nghĩa đó thế nào?

Đáp: Trước đã nói cửa tam-muội và cửa Đà-la-ni khác nhau, nay sẽ nói lại: Tam-muội chỉ là pháp tương ứng với tâm, còn Đà-la-ni cũng tương ứng với tâm, cũng không tương ứng với tâm.

Hỏi: Sao biết Đà-la-ni không tương ứng với tâm?

Đáp: Như người được Văn trì Đà-la-ni, tuy tâm nổi sân hận nó cũng không mất, thường đi theo người, như bóng theo hình. Tu hành tam-muội lâu quen sau thành Đà-la-ni, như chúng sanh tập lâu thói dục thành tánh. Tam-muội cộng với trí tuệ biết thật tướng các pháp, phát sanh Đà-la-ni, như bình đất mới nắn được lửa nung chín, có thể giữ nước không chảy, cũng có thể giúp cho người qua sông. Thiền định không trí tuệ cũng như bình đất mới nắn, nếu có được trí tuệ biết thật tướng, như bình đất mới nắn được lửa đốt chín, có thể giữ gìn vô lượng công đức hai đời của Bồ-

tát, Bồ-tát cũng nhân đó mà đắc độ, đến Phật. Như vậy là chỗ sai khác giữa tam-muội và Đà-la-ni.

Hỏi: Sao trong pháp Thanh văn không có danh từ Đà-la-ni, chỉ trong pháp Đại thừa mới có?

Đáp: Trong pháp nhỏ không có pháp lớn, ông không nên hỏi, trong pháp lớn không có pháp nhỏ, thì nên hỏi. Như trong nhà nghèo không có vàng bạc không nên hỏi.

Lại nữa, Thanh văn không ân cần chữa nhóm các công đức lắm, chỉ dùng trí tuệ cầu thoát khổ già, bệnh, chết. Vì vậy người Thanh văn không dùng Đà-la-ni giữ gìn các công đức, ví như người khát, chỉ một bụm nước là đủ, không cần bình đựng nước, nếu cung cấp cho đại chúng nhân dân, thì cần bình đựng nước. Bồ-tát vì hết thấy chúng sanh nên cần Đà-la-ni giữ gìn các công đức.

Lại nữa, trong pháp Thanh văn phần nhiều nói các pháp sanh diệt vô thường. Các luận nghị sư nói: Các pháp vô thường, nếu tướng vô thường thì không cần Đà-la-ni. Vì cớ sao? Vì các pháp vô thường thì không giữ gìn được, chỉ có hạnh nghiệp nhân duyên quá khứ không mất. Giống như quả báo vị lai, tuy không mà ắt sanh, hạnh nghiệp nhân duyên quá khứ cũng như vậy.

Trong pháp Đại thừa, tướng sanh diệt không thật, tướng chẳng sanh chẳng diệt cũng không thật. Các quán các tướng đều diệt, ấy là thật. Nếu để giữ gìn pháp quá khứ thì không lỗi. Vì để giữ gìn các công đức thiện pháp thiện căn quá khứ, nên cần có Đà-la-ni. Đà-la-ni đời đời thường theo Bồ-tát, còn các tam-muội không như vậy, hoặc có khi thay đổi thân thì mất.

Như vậy là các thứ phân biệt Đà-la-ni, các tam-muội.

Vì vậy nên nói muốn được các Đà-la-ni, các tam-muội môn, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

-----oOo-----